

Phụ lục II
MỤC TIÊU CHUYÊN ĐỔI SỐ NĂM 2025 VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số				
1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS);	80%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày

	đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ				22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử và giữa cơ quan nhà nước và cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội hoàn toàn qua môi trường mạng	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	40%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ	60%	Sở Khoa học và	Sở, ban, ngành	Chương trình số 553/CTr-UBND

	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp		Công nghệ	tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	- Cấp tỉnh: 100%. - Cấp xã: 90%.	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
13	Chính quyền số An Giang	Trong nhóm 20 các tỉnh, thành cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
14	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025. - Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.
15	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh An Giang
16	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Quyết định 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh An Giang
17	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử	100%	Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và	- Quyết định 468/QĐ-TTg ngày

	đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công		tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công nghệ	27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 243/KH-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh An Giang - Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
18	Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	95%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
19	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến	60%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
20	Người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
21	Người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND tỉnh	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
22	Nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
23	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
24	Tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

25	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Côn an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
26	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả xử lý hồ sơ TTHC được đồng bộ đầy đủ trên Cổng dịch vụ công quốc gia	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	
27	Hồ sơ được thanh toán trực tuyến	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	
28	Phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp được xử lý đúng hạn.	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	
29	Thủ tục hành chính được công bố, công khai đúng hạn	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh	
30	Cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh kết nối hạ tầng mạng băng thông rộng trên mạng chuyên dùng của Chính phủ để đáp ứng triển khai các dịch vụ số, đảm bảo an toàn thông tin; Duy trì, nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm sát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt, kết nối bốn cấp hành chính từ Trung ương đến cấp xã để phục vụ chính phủ số	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	
II	Phát triển Kinh tế số				

31	Phân đầu kinh tế số	10% GRDP	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang. - Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
32	Phân đầu tỷ trọng kinh số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
33	Sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có mặt sàn thương mại điện tử	100%	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
34	Dân số tham gia mua sắm trực tuyến	60%	Sở Công thương	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
35	Người dân biết sử dụng điện thoại thông minh vào khai thác các ứng dụng nền tảng phục vụ sản xuất, kinh doanh	Trên 60%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang

36	Có ít nhất 05 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin		Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
37	Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	100%	Thuế tỉnh An Giang	Sở Tài chính; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
38	Doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang. - Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
39	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại	80%	Sở Công thương	Sở Tài chính; UBND xã, phường, đặc khu	- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang - Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
40	Năng suất lao động	Tăng 7%	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
41	Tỷ lệ cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng nộp thuế theo phương pháp kê khai triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách	80%	Thuế tỉnh An Giang	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

III Phát triển Xã hội số					
42	Hộ gia đình có địa chỉ số	100%	UBND xã, phường, đặc khu	Bưu điện tỉnh An Giang; Sở Khoa học và Công nghệ	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
43	Người dân, doanh nghiệp được trang bị kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số; có thể tham gia hoạt động học tập, lao động, sản xuất, đời sống và sinh hoạt trên môi trường số	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
44	Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G, trong đó tập trung triển khai phủ sóng 5G tại các khu vực thành thị và điện thoại di động thông minh		Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông - Internet trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
45	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	70%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	UBND xã, phường, đặc khu	- Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang.
46	Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử	50%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 15	Sở Công thương; UBND xã, phường, đặc khu	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
47	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	90%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI	Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang
48	Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp	100%	Sở Khoa học và	UBND xã,	- Chương trình số 553/CTr-UBND

	quang băng rộng		Công nghệ	phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh	ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang. - Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang. - Công văn số 3816/BTTTT- CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
49	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ VTCI; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh	Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh An Giang
50	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử	>10%	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
51	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo		Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
52	Tỷ lệ thôn, bản đang lõm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động	100%	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

				VTCT; Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Viễn thông – Internet trên địa bàn tỉnh	
53	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số	100%	Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
54	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
55	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn quốc triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông
56	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID	100%	Sở Y tế	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND xã, phường, đặc khu	Công văn số 3816/BTTTT-CĐSQG ngày 14/9/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông

Danh mục gồm: 56 mục tiêu, chỉ tiêu./.